

0001	NGUYỄN THỊ KIM ANH	20/12/1994	Nữ	Quảng Nam	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	779
0002	ĐOÀN MINH CHÍNH	17/08/1995	Nam	Nam Định	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	780
0003	TRƯƠNG THỊ THẢO DIỄM	10/10/1994	Nữ	Tây Ninh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	781
0004	NGUYỄN TIỀN DIỆN	09/07/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	782
0005	NGUYỄN MẠNH DŨNG	26/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	783
0006	HÒANG VĂN ĐẠI DƯƠNG	05/05/1994	Nam	Đồng Nai	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	784
0007	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	14/05/1995	Nam	Thái Bình	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	785

STT	họ tên	ngaysinh	giới tính	nóisinh	dân tộc	họ và tên	nam	điểm	hình thức	Ghi chú
0008	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	15/04/1994	Nam	Trà Vinh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	786
0009	PHẠM NGUYỄN VĂN ĐÌNH	05/11/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	787
0010	TRINH HOÀNG LÝ ĐỨC	08/11/1995	Nam	Hải Phòng	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	788
0011	NGUYỄN MINH ĐỨC	18/12/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	789
0012	TRẦN ANH HẢO	20/11/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	790
0013	NGUYỄN THẾ HẢO	02/03/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	791
0014	LÊ NGUYỄN XUÂN HÀNG	02/04/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	792
0015	NGUYỄN THỊ THU HÀNG	06/03/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	793
0016	LÝ GIA HÂN	21/09/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	794
0017	VÕ CÔNG HẬU	29/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	795
0018	PHẠM NGỌC HIẾU	20/11/1995	Nam	Hà Tây	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	796
0019	MAI MINH HOÀNG	23/12/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	797
0020	TRẦN MINH HOÀNG	13/09/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	798
0021	HỒ SĨ HOÀNG	16/04/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	799

STT	họten	ngaysinh	giolinh	nokinh	dantoc	hstruong	namin	xln	hinhthuedt	Chí chú
0022	TRẦN HUY HOÀNG	25/01/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	800
0023	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	28/07/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	801
0024	TRẦN MẠNH HUY	10/09/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	802
0025	NGUYỄN THỊ SA KÊ	05/06/1995	Nữ	Tiền Giang	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	803
0026	NGUYỄN THỊ LÀI	01/04/1994	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	804
0027	TÔ PHƯƠNG LAM	15/03/1995	Nữ	Bến Tre	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	805
0028	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	05/10/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	806
0029	HÒANG THỊ THUYẾT LINH	14/12/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	807
0030	NGUYỄN THỤY TRÚC LINH	26/04/1994	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	808
0031	TRẦN PHI LONG	13/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	809
0032	NGUYỄN HỮU LONG	26/04/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	810
0033	NGÔ TIẾN LỘC	31/01/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	811
0034	NGUYỄN PHƯỚC LỢI	06/12/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	812
0035	LÊ TUẤN MINH	07/04/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	813

STT	họ tên	ngày sinh	giới tính	nơi sinh	dân tộc	hướng dẫn	nam	sinh	hình thức	Ghi chú
0036	NGUYỄN THỊ HÀ MY	11/03/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	814
0037	VŨ NGUYỄN HÒANG NAM	27/12/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	815
0038	NGUYỄN NGỌC KIM NGÂN	14/05/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	816
0039	HUỖNH THỊ DIỄM NGỌC	13/06/1995	Nữ	Đồng Nai	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	817
0040	LÊ NGỌC YẾN NHI	23/04/1995	Nữ	Kiên Giang	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	818
0041	NGUYỄN THÀNH NHUẬN	21/11/1994	Nam	Long An	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	819
0042	TRẦN HÒAI PHI	12/08/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	820
0043	LÊ GIA PHÚ	05/06/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	821
0044	NGUYỄN HÒANG MINH PHỤNG	28/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	822
0045	HUỖNH KIM PHỤNG	28/12/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	823
0046	TRẦN HÒAI PHƯƠNG	07/05/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	824
0047	HỒANG ĐỨC PHƯƠNG	11/03/1995	Nam	Long An	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	825
0048	NGUYỄN LAN PHƯƠNG	30/03/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	826
0049	TRẦN ĐĂNG QUANG	03/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	827

STT	họ tên	ngaysinh	giolinh	nolsinh	dantoc	hstruong	namtn	stn	hinhthucdt	Ghi chú
0050	NGUYỄN THUỶ QUỲNH	17/11/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	828
0051	CAO THÀNH SANG	26/12/1995	Nam	Tây Ninh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	829
0052	ĐỖ HÒANG SƠN	09/12/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	830
0053	TRỊNH CÔNG SƠN	20/01/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	831
0054	VŨ DUY SƠN	20/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	832
0055	NGUYỄN THANH SƠN	27/11/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	833
0056	NGUYỄN TÂN TÀI	21/11/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	834
0057	DƯ THỊ KIM THANH	08/06/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	835
0058	BÙI DUY THANH	09/01/1993	Nam	Thuận Hải	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	836
0059	ĐOÀN TÂN THÀNH	05/04/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	837
0060	NGUYỄN TÂN THÀNH	26/10/1995	Nam	Vĩnh Long	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	838
0061	NGUYỄN THỊ THẢO	19/05/1995	Nữ	Thái Bình	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	839
0062	TRẦN NGỌC THẾ	26/01/1995	Nam	Nam Hà	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	840
0063	PHẠM VÔ BẢO THIÊN	29/11/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	841

STT	họ tên	ngày sinh	giới tính	nơi sinh	danh xưng	hướng dẫn	nam nữ	trình độ	hình thức	Ghi chú
0064	NGUYỄN PHƯỚC THỌ	12/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	842
0065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THUY	1994	Nữ	Long An	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	843
0066	NGUYỄN ANH THU	08/06/1995	Nữ	Hà Nội	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	844
0067	TRẦN ANH THU	13/10/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	845
0068	NGUYỄN HỒNG THƯƠNG	08/03/1994	Nữ	Tây Ninh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	846
0069	PHẠM ĐÌNH TÍNH	18/01/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	847
0070	NGO ĐÌNH TOÀN	02/08/1994	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	848
0071	PHẠM VÕ BẢO TOÀN	29/11/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	849
0072	ĐỖ THANH TRÂM	08/10/1994	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	850
0073	NGUYỄN ĐÌNH HẢI TRIỀU	13/07/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	851
0074	TRẦN THỊ NGUYỆT TRINH	27/07/1994	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	852
0075	LÊ NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	20/12/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	853
0076	NGUYỄN VĂN ANH TUẤN	29/10/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	854
0077	ĐỖ HUY VĂN	01/06/1995	Nam	Thanh Hóa	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	855

STT	họten	ngaysinh	giolín	noisinh	đantóc	hstruong	namtn	xltn	hìnhthucđt	Ghi chú
0078	NGUYỄN TRÚC THUY VÂN	20/11/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	856
0079	LÊ NGUYỄN TƯỜNG VI	14/05/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Giỏi	Chính quy	857
0080	HÀ TƯỜNG VY	03/11/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	858
0081	NGUYỄN THUY PHƯƠNG VY	12/10/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Khá	Chính quy	859
0082	NGUYỄN THỊ BẠCH YẾN	13/07/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	860
0083	PHAN THỊ KIM YẾN	29/06/1995	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	PT DL Hermann Gmeiner - quận Gò Vấp	2010	Trung Bình	Chính quy	861
0001	LÊ NGUYỄN THÁI AN	08/11/1995	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	Kinh	THCS Lý Tự Trọng -	2010	Khá	Chính quy	862